

PHẦN 1

QUY TRÌNH KIỂM TRA, XỬ PHẠT TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, CHĂN NUÔI GIA SÚC

I. Quy trình kiểm tra lĩnh vực môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm, cá lóc), chăn nuôi gia súc (chăn nuôi heo):

1. Về nguyên tắc thành lập Đoàn kiểm tra:

Việc thành lập Đoàn kiểm tra phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, phạm vi cuộc kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đoàn kiểm tra; chịu trách nhiệm trước người ra quyết định kiểm tra, trước pháp luật về kết quả cuộc kiểm tra.

Thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm tra; chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra phải thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát theo quy định.

Hoạt động của Đoàn kiểm tra phải bảo đảm nguyên tắc chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

2. Về thời gian, địa điểm kiểm tra:

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra làm việc với đối tượng kiểm tra tại trụ sở hoặc nơi tiến hành kiểm tra, xác minh; làm việc trong giờ hành chính. Trường hợp cần thiết phải làm việc ngoài giờ hành chính với đối tượng kiểm tra thì Trưởng đoàn kiểm tra quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó.

3. Quy trình tiến hành một cuộc kiểm tra:

3.1. Giai đoạn chuẩn bị:

Đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra xây dựng dự thảo kế hoạch kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về môi trường đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản, dự trù kinh phí, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan, tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo. Sau khi hoàn chỉnh dự thảo, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nội dung, kinh phí kế hoạch để tổ chức thực hiện.

Đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cử người tham gia Đoàn kiểm tra, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.

Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo: căn cứ nội dung kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có văn bản gửi đối tượng kiểm tra (kèm theo đề cương yêu cầu báo cáo) ít nhất 05 ngày trước khi

tiến hành kiểm tra; văn bản yêu cầu phải nêu rõ cách thức báo cáo, thời gian nộp báo cáo.

3.2. Tiến hành kiểm tra:

Trưởng đoàn kiểm tra thông qua quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; thông qua chương trình làm việc; nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, thời hạn cuộc kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn kiểm tra; quyền và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra; dự kiến kế hoạch làm việc của Đoàn kiểm tra; các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm tra.

Chủ cơ sở báo cáo về những nội dung kiểm tra theo đề cương Đoàn kiểm tra đã yêu cầu.

Các thành viên Đoàn kiểm tra phát biểu bổ sung ý kiến liên quan đến nội dung kiểm tra (nếu có).

Tiến hành kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở; thuê đơn vị có chức năng lấy mẫu nước thải sau xử lý tại cơ sở nuôi trồng thủy sản.

Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Trưởng đoàn kiểm tra đề xuất cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

II. Một số hành vi vi phạm hành chính điển hình, hình thức xử phạt, mức xử phạt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm, cá lóc), chăn nuôi gia súc (chăn nuôi heo):

1. Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường: áp dụng Điều 8 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (gọi tắt là Nghị định số 155/2016/NĐ-CP) như sau:

- Hình thức xử phạt: phạt cảnh cáo, phạt tiền.

- Mức xử phạt: từ 500.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 8 (Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định).

2. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường: áp dụng Điều 11 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP như sau:

- Hình thức xử phạt: phạt tiền.

- Mức xử phạt: từ 500.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 11 (Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật)

+ Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 11 (Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định).

3. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại Khu nuôi trồng thủy sản bị xử phạt như sau: áp dụng Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP như sau:

- Hình thức xử phạt: phạt tiền.

- Mức xử phạt: từ 3.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

4. Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường: áp dụng Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP như sau:

- Hình thức xử phạt: phạt cảnh cáo, phạt tiền.

- Mức xử phạt: từ 300.000 đồng đến 950.000.000 đồng.

- Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u Khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, và t Khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s Khoản 6 Điều 13.

+ Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, v, x và y khoản 6 Điều 13.

- Quy chuẩn so sánh lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: theo QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quy chuẩn so sánh lĩnh vực chăn nuôi: theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

5. Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường: áp dụng Điều 14 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP như sau:

- Hình thức xử phạt: phạt cảnh cáo, phạt tiền.

- Mức xử phạt: từ 1.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.

- Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các

điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 6, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 7, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 8 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 9 Điều 14.

+ Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5, các điểm s, t, u, ư, v, x và y khoản 6, các điểm u, ư, v, x và y khoản 7, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 8, các điểm s, t, u, ư, v và x khoản 9 Điều 14.

PHẦN 2
QUY TRÌNH LẤY MẪU NƯỚC THẢI
(Theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 8880:2011;
TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018)

I. Giai đoạn chuẩn bị

1. Nhân sự lấy mẫu

Nhân sự thực hiện lấy mẫu phải là người đã qua đào tạo lấy mẫu nước mặt được đánh giá đạt yêu cầu, có kỹ năng chuyên môn, có khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình lấy mẫu.

2. Dụng cụ chứa mẫu

a. Lựa chọn bình chứa mẫu

Bình chứa mẫu phải làm bằng vật liệu phù hợp để giữ được tính chất tự nhiên của cả mẫu và khoảng nồng độ dự kiến của chất nhiễm, nên dùng bằng chất dẻo, một số trường hợp yêu cầu dùng bình thủy tinh.

Chi tiết về loại bình sử dụng để thu thập và lưu giữ mẫu cho từng chất phân tích được nêu ra từ bảng - Các kỹ thuật chung thích hợp để lấy mẫu bảo quản và lưu giữ mẫu.

Nếu mẫu được làm đông lạnh, cần phải sử dụng bình chứa phù hợp như polyetylen (PE) hoặc polytetrafloetylen (PTFE) để tránh vỡ bình.

b. Chuẩn bị bình chứa mẫu

- Cần phải súc rửa bình chứa mới và cũ bằng nước có chất tẩy rửa không chứa P để làm sạch bụi và chất bao gói sót lại, tiếp theo là súc rửa kỹ bằng nước và tráng lại nước cất hoặc nước đã loại ion.

- Số lượng bình chứa tùy thuộc vào chỉ tiêu thử nghiệm, cần chuẩn bị đủ số lượng bình để chứa mẫu theo nhóm chỉ tiêu có cùng phương pháp cố định mẫu để không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm.

- Bình chứa mẫu thử nghiệm vi sinh và thủy sinh được thực hiện theo tài liệu nội bộ Quy trình lấy mẫu nước để phân tích vi sinh vật và Quy trình lấy mẫu phân tích thủy sinh.

c. Dán nhãn nhận biết

- Nhãn mẫu phải chịu được ướt.

- Ghi nhãn dán vào bình chứa nếu biết trước chương trình lấy mẫu hoặc có thể ghi nhãn và dán ngay tại hiện trường nếu không biết trước chương trình lấy mẫu. Tuyệt đối không dán nhãn nhận diện trên nắp bình chứa mẫu.

Loại mẫu/Thông số thử nghiệm	
Ký hiệu mẫu/ Mã số mẫu	
Kí hiệu vật chứa	

Cố định/Bảo quản mẫu	
Ngày nhận/lấy mẫu	
Nhân viên nhận/lấy mẫu	

3. Thiết bị lấy mẫu

- Thiết bị lấy mẫu thủ công: xô, muôi, bình miệng rộng buộc vào cán có độ dài thích hợp, thể tích không nên nhỏ hơn 100ml.

- Thiết bị lấy mẫu phải làm bằng vật liệu trơ. Trước khi lấy mẫu thiết bị phải được làm sạch bằng chất tẩy rửa và nước, khi lấy mẫu được tráng lại bằng chính mẫu cần lấy.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: có 2 loại là lấy tự động theo thời gian và theo dòng chảy.

4. Hóa chất cố định mẫu

Chuẩn bị hóa chất cố định mẫu phù hợp với thông số thử nghiệm.

Ngoài ra, chuẩn bị dụng cụ bảo quản mẫu tại điều kiện nhiệt độ phù hợp với từng thông số.

5. Phương tiện vận chuyển

Chuẩn bị phương tiện vận chuyển phù hợp với khoảng cách di chuyển và số lượng mẫu.

6. Dụng cụ bảo hộ

Tùy vào vị trí lấy mẫu chuẩn bị dụng cụ bảo hộ nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình lấy mẫu, các dụng cụ bao gồm:

- Nón
- Khẩu trang phòng độc (lấy mẫu nơi có khí độc)
- Áo bảo hộ
- Kính
- Bao tay

II. Lấy mẫu

1. Cách lấy mẫu

- Chọn vị trí lấy mẫu đại diện cho dòng nước thải được kiểm tra.

- Nếu lấy mẫu nước thải trong ao, hồ chứa thì điểm lấy mẫu phải nằm ở 1/3 chiều sâu dưới bề mặt nước.

- Trước khi lấy mẫu cần dọn sạch địa điểm đã chọn để loại bỏ các cặn, bùn, các lớp vi khuẩn v.v... ở trên thành (lấy mẫu ở cống, rãnh và hố ga).

- Cần chọn địa điểm có dòng chảy xoáy mạnh để đảm bảo pha trộn tốt. Khả năng tiếp cận, sự an toàn và khả năng cung cấp năng lượng là những vấn đề cần chú ý trước tiên khi chọn các vị trí lấy mẫu.

- Các mẫu cần lấy ở đầu vào chính và đầu ra chính (các trạm xử lí nước thải).
- Khi lấy mẫu nước thải công nghiệp cần ghi lại điều kiện sản xuất lúc lấy mẫu.
- Kết thúc lấy mẫu phải súc rửa kỹ dụng cụ lấy mẫu để tránh nhiễm bẩn cho các mẫu sau.

1.1. Lấy mẫu trực tiếp

Nhúng ngập bình vào trong nước thải được lấy mẫu, hướng miệng bình về phía dòng chảy của nước thải, mở nút bình (nếu vẫn còn đây) và giữ bình trong một tay. Đưa cổ bình đã mở nút xuống dưới mặt nước cho đến khi ngập ở độ sâu khoảng 25 cm. Nếu nước nóng thì phải đảm bảo mẫu nước lấy không bị nhiễm bùn đáy (lấy mẫu ở cống, rãnh và hố ga).

Nghiêng cổ bình sao cho bình hướng hơi nghiêng về phía mặt nước và về phía dòng chảy. Để cho nước chảy vào bình với lượng mẫu cần yêu cầu. Trong phần lớn các trường hợp, lấy mẫu đầy đúng đến miệng bình để đẩy được hết không khí trong bình ra, vì trao đổi khí có thể làm thay đổi nhanh chất lượng của mẫu. Khi đã lấy đúng lượng mẫu cần lấy, nhắc bình ra khỏi nước và đây nắp bình lại thật kỹ.

1.2. Lấy mẫu gián tiếp bằng cách sử dụng chai lấy mẫu

Hạ thấp bình một cách nhẹ nhàng đến bề mặt, đảm bảo bình không bị nhiễm bẩn trong lúc hạ xuống. Để cho nước chảy vào bình và theo dõi trong suốt thời gian lấy mẫu. Cố gắng đừng lấy phải quá nhiều phần nước ở bề mặt và cố gắng tránh lấy phải các vật liệu trôi nổi trên mặt nước. Không được để cho bình chạm đáy. Nhấc bình ra khỏi mặt nước, lần này cũng phải đảm bảo không để xảy ra nhiễm bẩn mẫu.

Rót mẫu cẩn thận vào trong bình theo như yêu cầu, rót trực tiếp hoặc sử dụng một cái phễu và phải đảm bảo không để cho cặn có đủ thời gian lắng xuống. Đậy nút các bình cẩn thận.

2. Nạp mẫu vào bình

Phải nạp đầy hoàn toàn bình chứa mẫu trừ trường hợp lấy mẫu phân tích vi sinh. Khi mẫu làm đông lạnh như là một công đoạn bảo quản, bình chứa mẫu không được nạp đầy mẫu. Việc này để phòng ngừa sự cố vỡ bình do nước đá vỡ ra trong quá trình đông lạnh và rã đông.

III. Vận chuyển mẫu

Cần áp dụng quy trình làm mát cho mẫu để tăng thời gian cho quá trình vận chuyển, lưu giữ. Nhiệt độ làm mát của thiết bị trong quá trình vận chuyển là $5 \pm 3^{\circ}\text{C}$ là phù hợp cho các ứng dụng.

Thời gian lưu giữ tối đa theo bao gồm: thời gian từ khi lấy mẫu đến khi bắt đầu vận chuyển + thời gian vận chuyển + thời gian bắt đầu phân tích trong phòng thử nghiệm.

Trong quá trình vận chuyển các bình chứa mẫu cần được bảo vệ và đậy kín để mẫu không bị hỏng hoặc mất 1 phần, nhất là bình chứa bằng thủy tinh cần được bảo vệ phù hợp để tránh vỡ. Vật liệu bao gói phải bảo vệ được các bình chứa khỏi bị nhiễm bẩn từ bên ngoài, đặc biệt gần các chỗ mở của bình chứa mẫu và không phải là nguồn gây nhiễm bẩn.

Nếu mẫu được bên thứ 3 vận chuyển cho nhà thầu phụ thử nghiệm thì mẫu phải được đóng gói đúng cách để duy trì được tính tổng hợp của mẫu.

Mẫu phục vụ điều tra mang tính pháp lý phải được niêm phong theo yêu cầu của tổ chức có thẩm quyền.

IV. Bàn giao mẫu

Sau khi mang mẫu về phòng thí nghiệm, bàn giao mẫu. Ghi thông tin bàn giao mẫu.

Nhân viên nhận mẫu cần kiểm tra và xác nhận các nội dung sau:

- Mẫu có đầy đủ được giữ lạnh đúng nhiệt độ quy định khi vận chuyển hay không.
- Các thông tin liên quan đến mẫu, xử lý và lưu giữ trong phiếu lấy mẫu có được ghi chép đầy đủ không.
- Số lượng mẫu so với số lượng nêu trong phiếu lấy mẫu.